

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Áp dụng cho sinh viên K13, K14 Sư phạm; K13, K14 Ngôn ngữ anh, K14 Hỗ trợ GDNKT và CĐ Giáo dục mầm non)

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
1	K13.GDMN	30	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	Chiều	6	6-10	16/08/2024	20/09/2024	4.1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Liên	
2	K13.GDMN	30	Tiếng Việt thực hành	2	30	Chiều	6	6-10	27/09/2024	01/11/2024	4.1	NV&KHXH	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	
3	K13.GDMN	30	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	45	Chiều	3	7-10	13/08/2024	29/10/2024	4.1	GDMN	TS. Phạm Thị Oanh	
4	K13.GDMN	30	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	Chiều	4	7-10	16/10/2024	04/12/2024	4.1	CT-TL-GDH	Vũ Thị Thu Trang	
5	K13.GDMN	30	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Chiều	4	7-10	14/08/2004	02/10/2004	4.1	NV&KHXH	Trần Việt Dũng	
6	K13.GDMN	31	Toán cơ sở	2	30	Chiều	5	7-10	15/08/2004	03/10/2004	4.1	Toán&KHTN	Lâm Thị Thoa	
7	K13.GDMN	30	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán	3	45	Chiều	2	6-9	12/08/2024	04/11/2024	4.1	GDMN	Dương Thị Yến	
8	K13.GDMN	30	Đàn Organ	2	30	Sáng	5	2-5	15/08/2024	03/10/2024	phòng đàn	GDMN N-H-TD	Trương Hồng Diệp Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
9	K13.GDMN		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	3,4	1-4	03/12/2024	25/12/2024	4.1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Thùy Linh	
10	K13.NNA	17	Tiếng Trung 2	3	45	Chiều	4	7-10	14.8.21	6.11.24	4.5	NN	Khương Thị Thủy	
11	K13.NNA	17	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	75	Sáng	2 5	1-5	9.9.24 12.12.24	09.12.24 12.12.24	4.5	NN	Phạm Thị Hiền	Ghép K12.NNA (TACB TH tổng hợp)
12	K13.NNA	17	Ngữ pháp tiếng Anh	3	45	Chiều	3	6-9	15.10.24	24.12.24	4.2	NN	Bùi Thị Thủy	
13	K13.NNA	17	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Chiều	5	7-10	15.8.24	24.10.24	4.2	NN	Vũ Thị Nhung	
14	K13.NNA	17	Tiếng Anh thương mại 1	3	45	Sáng Chiều	3	1-4	10.9.24	26.11.24	A1.401	NN	Đỗ Thị Ngọc Tú Đinh Thị Lê Duyên	Ghép K12.NNA (TATM3 + 4)
15	K13.SPLSU	12 2 21	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	30	Chiều	2 3	7-10	11.11.24 24.12.24	23.12.24 24.12.24	2.5	NV&KHXH	Nguyễn Thị Hải Vân	Ghép K14.SPSU.VLVH; K14.SPSU
16	K13.SPLSU	12	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	30	Sáng	3	1-5	29.10.24	03.12.24	5.5	NV&KHXH	Nguyễn Thị Thắm	
17	K13.SPLSU	12 2 21	Địa lí tự nhiên các châu lục	2	30	Sáng	5	1-4	07.11.24	26.12.24	5.5	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	Ghép K14.SPSU.VLVH; K14.SPSU
18	K13.SPLSU	12	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	30	Sáng	3	1-5	17.9.24	22.10.24	5.5	NV&KHXH	Nguyễn Thị Thắm	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
19	K13.SPLSU	12	Thực tế Lịch sử Việt Nam	2	30	Sáng	2 3	1-5	09.12.24	24.12.24	5.5	NV&KHXH	Nguyễn Thị Thâm	
20	K13A.GDTH	51	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	sáng	2	1 - 4 1 - 4 1 - 5	12.8.2024 16.9.2024 28.10.2024	9.9.2024 21.10.2024 28.10.2024	3.1	GDTH	TS. Nguyễn Thị Phụng	
21	K13A.GDTH	51	Tiếng Anh 2	4	60	sáng	3	1 - 4 1 - 4	13.8.2024 17.9.2024	10.9.2024 19.11.2024	3.1	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
22	K13A.GDTH	51	Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học	2	30	sáng	4	1 - 4 1 - 4	14.8.2024 18.9.2024	11.9.2024 02.10.2024	3.1	CT-TL-GDH	Lê Thị Minh Anh	
23	K13A.GDTH	51	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	sáng	5	1 - 4	15.8.2024 19.9.2024	12.9.2024 03.10.2024	3.1	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
24	K13A.GDTH	51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	sáng	4	1 - 4 1 - 5	9.10.2024 13.11.2024	06.11.2024 20.11.2024	3.1	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
25	K13A.GDTH	51	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	sáng	5	2 - 5	10.10.2024	28.11.2024	3.1	GDTH	Trịnh Tố Hoan	
26	K13A.GDTH	51	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	22 23	sáng	6 2	2 - 5 2 - 5 1 - 4	16.8.2024 20.9.2024 4.11.2024	13.9.2024 20.9.2024 9.12.2024	3.1	N-H-TD	Nguyễn Thị Ánh Trần Đức Hạnh	
27	K13A.NNA.LT	42	Nghe-Nói tiếng Anh 2	2	30	Tối	2	10-13	9.9.24	28.10.24	4.2	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
28	K13A.NNA.LT	42	Đọc-Viết tiếng Anh 2	2	30	Tối	3	10-13	10.9.24	29.10.24	4.2	NN	Đỗ Thị Ngọc Tú	
29	K13A.NNA.LT	42	Nghe-Nói tiếng Anh 3	2	30	Tối	3 5	10-13	4.11.24	28.11.24	4.2	NN	Bùi Thị Thủy	
30	K13A.NNA.LT	42	Đọc-Viết tiếng Anh 3	2	30	Tối	3 6	11-13	17.12.24 8.11.24	24.12.24 27.12.24	4.2	NN	Lê Thị Bắc	
31	K13A.NNA.LT	42	Văn hóa Anh-Mỹ	2	30	Tối	2	10-13	4.11.24	23.12.24	4.2	NN	Phạm Thị Hiền	
32	K13A.NNA.LT	42	Ngữ pháp tiếng Anh	3	45	Tối	4	11-13	11.9.24	18.12.24	4.2	NN	Vũ Thị Nhung	
33	K13A.NNA.LT	42	Lí luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	30	Tối Chiều	6 7	7-10	7.9.24	4.10.24	4.2	NN	TS. Vũ Hoài Thu	
34	K13A.NNA.LT	42	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	3	45	Tối Chiều	6 7	10-13 7-10	11.10.24 12.10.24	1.11.24 30.11.24	4.2	NN	TS. Vũ Hoài Thu	
35	K13A.NNA.LT	42	Tiếng Anh Thương mại 1	2	30	Sáng	7	1-4	14.9.24	2.11.24	4.2	NN	Đinh Thị Lê Duyên	
36	K13A.NNA.LT	42	Giao thoa văn hóa	1	15	Sáng	7	1-5	9.11.24	23.11.24	4.2	NN	Lê Thị Bắc	
37	K13A.SPANH	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	5	1-5	26.9.24	31.10.24	4.2	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
38	K13A.SPANH	45	Tiếng Trung 2	3	45	Sáng	6	1-4	16.8.21	8.11.24	4.2	NN	Khuông Thị Thủy	
39	K13A.SPANH	45	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	75	Sáng	4	1-5	18.9.24	25.12.24	4.2	NN	Vũ Thị Diệp Lan	
40	K13A.SPANH	45	Ngữ pháp tiếng Anh	3	45	Sáng	2	1-4	14.10.24	23.12.24	4.2	NN	Bùi Thị Thủy	
41	K13A.SPANH	45	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Sáng	3	1-4	13.8.24	22.10.24	4.2	NN	Trần Thị Oanh	
42	K13A.SPANH	45	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDDT	2	30	Sáng	3	1-4	5.11.24	24.12.24	4.2	CT-TL-GDH	Lê Thị Minh Anh	
43	K13A.SPTOAN	56	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	6	1-4	12.8.2024 28.10.2024	22.9.2024 10.11.2024	5.1	TT LKĐT,BD	Trần Thị Tuyền	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
44	K13A.SPTOAN	56	Giáo dục học	3	45	Sáng	5	1-4	12.8.2024	03.11.2024	5.1	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
45	K13A.SPTOAN	56	Giải tích 2	4	60	Sáng	4	1-4	12.8.2024	30.11.2024	5.1	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Trang	
46	K13A.SPTOAN	56	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	3	45	Sáng	6,7,C N	1-5	27.9.2024 25.10.2024	6.10.2024 27.10.2024	5.1	Toán&KHTN	PGS. TS. Trần Nguyên An	
47	K13A.SPTOAN	56	Đại số hiện đại	2	30	Sáng	2	1-4	12.8.2024	06.10.2024	5.1	Toán&KHTN	Nguyễn Ngọc Viên	
48	K13A.SPTOAN	56	Lý thuyết xác suất	3	45	Sáng	3	1-4	28.8.2024	24.11.2024	5.1	Toán&KHTN	TS. Phạm Ngọc Hoa	
49	K13A.SPVAN	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	3	1-4	13.8.24	08.10.24	B4.1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thùy Linh	
50	K13A.SPVAN	46	Tiếng Anh 2	4	60	Sáng	2	1-4	12.8.24	02.12.24	B4.1	NN	Trần Thị Oanh	
51	K13A.SPVAN	46	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa thế kỉ XVIII	2	30	Sáng	4	1-4	18.9.24	06.11.24	B4.1	NV&KHXX	Nguyễn Thị Thanh Tâm	
52	K13A.SPVAN	46	Từ Hán Việt	2	30	Sáng	5	1-4	05.9.24	31.10.24	B4.1	NV&KHXX	Tiêu Thị Thu Thủy	
53	K13A.SPVAN	46	Văn học phương Đông	3	45	Sáng	6	2-4	16.8.24	22.11.24	B4.1	NV&KHXX	TS. Nguyễn Đức Toàn	
54	K13A.SPVAN	46	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	30	Sáng	3	1-4	15.10.24	03.12.24	B4.1	NV&KHXX	Phùng Thị Luyệt	
55	K13B.GDTH	51	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	23 22	sáng	2 6	1 - 4 2 - 5	16.8.2024 11.10.2024	16.9.2024 15.11.2024	3.2	N-H-TD	Trần Đức Hạnh Nguyễn Ánh Tuyết	
56	K13B.GDTH	51	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	sáng	3	1 - 4 1 - 5	13.8.2024 22.10.2024	15.10.2024 22.10.2024	3.2	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
57	K13B.GDTH	51	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	sáng	4	1 - 4	14.8.2024	02.10.2024	3.2	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
58	K13B.GDTH	51	Tiếng Anh 2	4	60	sáng	5	1 - 4	15.8.2024	21.11.2024	3.2	NN	TS. Vũ Hoài Thu	
59	K13B.GDTH	51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	sáng	3	1 - 4 1 - 5	29.10.2024 03.12.2024	26.11.2024 10.12.2024	3.2	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
60	K13B.GDTH	51	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	30	sáng	4	1 - 4	9.10.2024	27.11.2024	3.2	CT-TL-GDH	Trần Quốc Hưng	
61	K13B.GDTH	51	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	sáng	6	1 - 4	16.8.2024	04.10.2024	3.2	GDTH	Đào Hồng Diệu	
62	K13B.NNA.LT	16	Nghe-Nói tiếng Anh 2	3	45	Tối Chiều	4 7	10-13 6-10	11.9.24	12.10.24	4.5	NN	Vũ Thị Điệp Lan	
63	K13B.NNA.LT	16	Đọc-Viết tiếng Anh 2	3	45	Tối	2 3	10-13	9.9.24	15.10.24	4.5	NN	Phạm Thị Hiền	
64	K13B.NNA.LT	16	Nghe-Nói tiếng Anh 3	3	45	Tối Chiều	4 7	10-13 6-10	16.10.24	16.11.24	4.5	NN	Bùi Thị Thủy	
65	K13B.NNA.LT	16	Đọc-Viết tiếng Anh 3	3	45	Tối	2 3	10-13	21.10.24	26.11.24	4.5	NN	Phạm Thị Hà Trang	
66	K13B.NNA.LT	16	Văn hóa Anh-Mỹ	2	30	Tối	5	10-13	12.9.24	31.10.24	4.5	NN	Lê Thị Bắc	
67	K13B.NNA.LT	16	Ngữ pháp tiếng Anh	3	45	Tối	6	10-13	13.9.24	29.11.24	4.5	NN	Vũ Thị Nhung	
68	K13B.NNA.LT	16	Lí luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	45	Sáng	7	1-5	14.9.24	9.11.24	4.5	NN	Phạm Thị Hà Trang	
69	K13B.NNA.LT	16	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	2	30	Tối Chiều	4 7	10-13 7-10	20.11.24	14.12.24	4.5	NN	Vũ Thị Điệp Lan	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
70	K13B.NNA.LT	16	Giao thoa văn hóa	1	15	Tối	3 6	11-13	3.12.24	24.12.24	4.5	NN	Đặng Thu Trang	
71	K13B.NNA.LT	16	Tiếng Anh Thương mại 1	3	45	Tối Sáng	5 7	10-13 1-5	14.11.24	14.12.24	4.5	NN	Đinh Thị Lê Duyên	
72	K13B.SPANH	41 17	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Chiều	5	7-10	7.11.24	26.12.24	4.5	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Ghép K13.NNA
73	K13B.SPANH	41	Tiếng Trung 2	3	45	Chiều	2	7-10	12.8.21	11.11.24	4.5	NN	Khương Thị Thủy	
74	K13B.SPANH	41	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	75	Chiều	4	7-10	14.8.24	25.12.24	4.5	NN	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	
75	K13B.SPANH	41	Ngữ pháp tiếng Anh	3	45	Chiều	3	7-10	13.8.24	22.10.24	4.5	NN	Vũ Thị Nhung	
76	K13B.SPANH	41	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Chiều	5	7-10	15.8.24	24.10.24	4.5	NN	Trần Thị Oanh	
77	K13B.SPANH	41	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	30	Chiều	6	7-10	16.8.24	04.10.24	4.5	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
78	K13B.SPTOAN	54	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Chiều	3	7-10	12.8.2024	06.010.2024	5.1	TT LKĐT,BD	Trần Thị Tuyền	
79	K13B.SPTOAN	54	Giáo dục học	3	45	Chiều	4	7-10	12.8.2024	03.11.2024	5.1	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
80	K13B.SPTOAN	54	Giải tích 2	4	60	Chiều	5	7-10	12.8.2024	30.11.2024	5.1	Toán&KHTN	Nguyễn Ngọc Viên	
81	K13B.SPTOAN	54	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	3	45	Chiều	6,7, CN	6-10	27.9.2024 25.10.2024	6.10.2024 27.10.2024	5.1	Toán&KHTN	PGS. TS. Trần Nguyên An	
82	K13B.SPTOAN	54	Đại số hiện đại	2	30	Chiều	3	7-9	07.10.2024	15.12.2024	5.1	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Trang	
83	K13B.SPTOAN	54	Lý thuyết xác suất	3	45	Chiều	2 6	7-10	12.8.2024 12.08.2024	21.9.2024	5.1	Toán&KHTN	Vũ Thị Thảo	
84	K13B.SPVAN	41 12 10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Chiều	3	7-10	08.10.24	26.11.24	B4.1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thùy Linh	Ghép K13. SPLSU; K13GDTC
85	K13B.SPVAN	41 12 10	Tiếng Anh 2	4	60	Chiều	5	7-10	15.8.24	28.11.24	B4.1	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Ghép K13. SPLSU; K13GDTC
86	K13B.SPVAN	41	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa thế kỉ XVIII	2	30	Chiều	3	7-10	13.8.24	08.10.24	B4.1	NV&KHXX	Nguyễn Thị Thanh Tâm	
87	K13B.SPVAN	41	Từ Hán Việt	2	30	Chiều	6	7-10	16.8.24	11.10.24	B4.1	NV&KHXX	Tiêu Thị Thu Thủy	
88	K13B.SPVAN	41	Văn học phương Đông	3	45	Chiều	2	7-10	12.8.24	04.11.24	B4.1	NV&KHXX	TS. Nguyễn Đức Toàn	
89	K13B.SPVAN	41	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	30	Chiều	4	7-10	14.8.24	09.10.24	B4.1	NV&KHXX	Phùng Thị Lược	
90	K13C.GDTH	52	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	chiều	6	7-10	16.8.2024 20.9.2024	13.9.2024 04.10.2024	3.3 A2	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
91	K13C.GDTH	52	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	sáng	3	2 - 5	13.8.2024 17.9.2024	10.9.2024 01.10.2024	3.3 A2	GDTH	Trịnh Tổ Hoan	
92	K13C.GDTH	52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	sáng	4	1 - 4 1 - 5	14.8.2024 18.9.2024	11.9.2024 25.9.2024	3.3 A2	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
93	K13C.GDTH	52	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	sáng	5	1 - 4 1 - 4 1 - 5	15.8.2024 19.9.2024 24.20.2024	12.9.2024 17.10.2024 24.10.2024	3.3 A2 A2	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
94	K13C.GDTH	52	Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học	2	30	sáng	5	1 - 4	31.10.2024	12.12.2024	A2	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Minh Hải	
95	K13C.GDTH	52	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	23 22	sáng	2	1 - 4	23.9.2024 04.11.2024	28.10.2024 9.12.2024	A2 A2	N-H-TD	Trần Đức Hạnh Nguyễn Ánh Tuyết	
96	K13C.GDTH	52	Tiếng Anh 2	4	60	sáng	6	1 - 4	16.8.2024 20.9.2024	13.9.2024 22.11.2024	3.3 A2	NN	Đặng Thu Trang	
97	K13D.GDTH	52	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	23 22	chiều	2 2 4	7 - 10 7 - 10 6 - 10	12.8.2024 16.9.2024 9.10.2024	9.9.2024 16.9.2024 13.11.2024	3.1	N-H-TD	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
98	K13D.GDTH	52	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	sáng chiều chiều	3 2 2	1 - 4 7 - 10 6 - 10	13.8.2024 23.9.2024 04.11.2024	10.09.2024 28.10.2024 04.11.2024	5.5 3.1 3.1	GDTH	TS. Nguyễn Thị Phụng	
99	K13D.GDTH	52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	chiều	3	7 - 10	13.8.2024	1.10.2024	3.1	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
100	K13D.GDTH	52	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	chiều	4	7 - 10	14.8.2024	02.10.2024	3.1	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
101	K13D.GDTH	52	Tiếng Anh 2	4	60	chiều	5	7 - 10	15.8.2024	21.11.2024	3.1	NN	Vũ Thị Diệp Lan	
102	K13D.GDTH	52	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	chiều	6	7 - 10	11.10.2024	29.11.2024	3.1	GDTH	Trịnh tố Hoan	
103	K13D.GDTH	52	Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học	2	30	chiều	6	6 - 9	16.8.2024	04.10.2024	3.1	CT-TL-GDH	Vũ Thị Nga	
104	K13E.GDTH	51	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	sáng chiều	2	1 - 5 6 - 10	12.8.2024 04.11.2024	9.9.2024 11.11.2024	5.5 3.2	GDTH	Vũ Thị Hoạch	
105	K13E.GDTH	51	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	chiều	3	7 - 10	13.8.2024	01.10.2024	3.2	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
106	K13E.GDTH	51	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	sáng chiều	5 6 3	1 - 5 1 - 5 7 - 10	29.8.24 06.9.2024 8.10.2024	12.9.2024 13.9.2024 05.11.2024	3.4 5.5 3.2	GDTH	TS. Nguyễn Thị Phụng	
107	K13E.GDTH	51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	chiều	4	7 - 10 6 - 10	14.8.2024 18.9.2024	11.9.2024 25.9.2024	3.2	CT-TL-GDH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	
108	K13E.GDTH	51	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	23 22	chiều	2 5 5	7 - 10 6 - 9 6 - 10	23.9.2024 28.11.2024 19.12.2024	28.10.2024 12.12.2024 26.12.2024	3.2	N-H-TD	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
109	K13E.GDTH	51	Tiếng Anh 2	4	60	chiều	5	6 - 9	15.8.2024	21.11.2024	3.2	NN	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	
110	K13E.GDTH	51	Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học	2	30	chiều	6	6 - 9	11.10.2024	29.11.2024	3.2	CT-TL-GDH	Vũ Thị Nga	
111	K13G.GDTH	51	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	chiều	2	7 - 10 7 - 10 6 - 10	12.8.2024 16.9.2024 21.10.2024	9.9.2024 14.10.2024 21.10.2024	3.3 A2 A2	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
112	K13G.GDTH	51	Tiếng Anh 2	4	60	chiều	3	7 - 10	13.8.2024 17.9.2024	10.9.2024 19.11.2024	3.3 A2	NN	Lê Thị Bắc	
113	K13G.GDTH	51	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	chiều	4	7 - 10	21.8.2024 18.9.2024	11.9.2024 9.10.2024	3.3 A2	GDTH	Vũ Ngọc Uyên	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
114	K13G.GDTH	51	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	23 22	chiều	2 6	7 - 10 7 - 10	04.11.2024 11.10.2024	9.12.2024 15.11.2024	A2	N-H-TD	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
115	K13G.GDTH	51	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	30	chiều	4	6 - 9	16.10.2024	11.12..2024	A2	CT-TL-GDH	Trần Quốc Hưng	
116	K13G.GDTH	51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	chiều	5	7 - 10	15.8.2024 19.9.2024	12.9.2024 3.10.2024	3.3 A2	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Thùy Linh	
117	K13G.GDTH	51	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	Sáng	3	1 - 5	08.10.2024	12.9.2024	A2	GDTH	Trịnh Tổ Hoan	
118	K13.GDTC	10	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	60	S	3	1-4	12/8	30/11	NĐN	HC-QT	TS. Nguyễn Thái Hưng	
119	K13.GDTC	10	Thể thao chuyên sâu 3 (Cầu lông)	3	45	S	4	1-3	12/8	23/11	NĐN	N-H-TD	Phạm Thành Đông	
120	K13.GDTC	10	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	30	C	2	7-10	15/10	14/12	A1.1.1	KT-QT	Vũ Thị Thảo	
121	K13.GDTC	10	Quản lý Thể dục thể thao	2	30	S	3 4	1-4	2/12 25/11	31/12 18/12	VPK	N-H-TD	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
122	K13.GDTC	10	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	2	30	C	2 5	6/10 6-9	16/12 2/12	31/12 28/12	VPK	N-H-TD	Phạm Thành Đông	
123	K13H.GDTH	51	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	20 2 8 15	chiều sáng sáng sáng	2 2 2 5	6 - 9 6 - 9 1 - 4 1 - 4	12.8.2024 28.10.24 28.10.24 24.10.24	9.9.2024 28.10.2024 04.11.2024 14.11.2024	5.5 3.3 A1 A1	N-H-TD	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Hồng Vân	
124	K13H.GDTH	51	Tiếng Anh 2	4	60	chiều sáng	3	7 - 10 1 - 4	13.8.2024 17.9.2024	10.9.2024 19.11.2024	5.5 A1	NN	Phạm Thị Hà Trang	
125	K13H.GDTH	51	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	30	sáng	4	1-4	14.8.2024 9.10.2024	11.9.2024 23.10.2024	5.5 A1	GDTH	Đào Hồng Diệu	
126	K13H.GDTH	51	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	45	chiều sáng sáng	4 6 6	7 - 10 1 - 4 1 - 5	14.8.2024 20.9.2024 23.10.2024	11.9.2024 16.10.2024 23.10.2024	5.5 A1 A1	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
127	K13H.GDTH	51	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	30	sáng	5	1 - 4	15.8.2024 19.9.2024	12.9.2024 03.10.2024	5.5 A1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Minh Hải	
128	K13H.GDTH	51	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	30	chiều sáng	5 2	7 - 10 1 - 4	15.8.2024 16.9.2024	12.9.2024 30.9.2024	5.5 A1	GDTH	Đặng Thị Hồng Doan	
129	K13H.GDTH	51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	chiều Sáng	6 4	7 - 10 1 - 5	16.8.2024 18.9.2024	13.9.2024 25.9.2024	5.5 A1	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Thùy Linh	
130	K14.GDCT	22 13	Triết học Mác-Lênin	4	60	Chiều	5 2 2	6-10 6-9 6-10	21.11.2024 11.11.2024 16.12.2024	26.12.2024 9.12.2024 23.12.2024	1.2	CT-TL-GDH	Hoàng Thị Ngát	Ghép K14.HTGDNKT

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
131	K14.GDCT	22 27 5 13	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	3	7-10	17.9.2024	05.11.2024	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Hữu Thái	Ghép K14.GDTC; K14.GDTC.VLVH K14.HTGDNKT
132	K14.GDCT	22 27 5 13	Tiếng Anh 1	3	45	Chiều Sáng	5 4	6-9 1-5	19.9.2024 18.9.2024	14.11.2024 02.10.2024	1.2	NN	Phạm Thị Hiền	Ghép K14.GDTC; K14.GDTC.VLVH; K14.HTNKT
133	K14.GDCT	22 27 5 13	Tin học đại cương	2	30	Chiều	6	6-9	20.9.2024	8.11.2024	1.2	ĐT-HTQT	Lê Thị Sinh	Ghép: K14.GDTC; K14.GDTC.VLVH K14.HTGDNKT
134	K14.GDCT	22 13	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	4	2-5	6.11.2024	25.12.2024	1.2	CT-TL-GDH	Vũ Thị Hương	Ghép K14.HTNKT
135	K14.GDCT	22 13	Xã hội học đại cương	2	30	Chiều	5	7-11	14.11.2024	19.12.2024	1.2	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Ghép K14.HTGDNKT
136	K14.GDCT	22 27 5	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Chiều	2	7-10	16.9.2024	4.11.2024	1.2	NV&KHXH	Trần Việt Dũng	Ghép K14.GDTC; K14.GDTC.VLVH
137	K14.GDMN	31	Triết học Mác-Lênin	3	45	chiều	2	7-10	16/9/2024.	11/11/2024.	5.4	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
138	K14.GDMN	31	Giáo dục thể chất 1	2	30	chiều	6	7-10	20/9/2024.	08/11/2024.	NĐN	N-H-TD	Phạm Thành Đông	
139	K14.GDMN	31	Tiếng Anh 1	3	45	chiều	3	6-10	29/10/2024.	25/12/2024.	5.4	NN	Nguyễn Việt Long	
140	K14.GDMN	31	Tin học đại cương	2	30	chiều	2	6-10	18/11/2024.	23/12/2024.	5.4	CNTT	Phạm Thị Thanh	
141	K14.GDMN	31	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	chiều	3	6-10	17/9/2024.	22/10/2024.	5.4	GDMN	TS. Vũ Yến Nhi	
142	K14.GDMN	31	Mỹ thuật cơ bản	3	45	chiều	5 6	7-10 7-10	21/11/2024 15/11/2024	19/12/2024 27/12/2024	5.4, THTT	N-H-TD	Nguyễn Hồng Vân	
143	K14.GDMN	31	Sinh lý học trẻ em	2	30	chiều	4	7-10	18/9/2024.	06/11/2024.	5.4	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Hòa	
144	K14.GDMN	31	Tâm lý học đại cương	2	30	chiều	2	6-10	18/11/2024	23/12/2024.	5.4	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
145	K14.GDMN	31	Âm nhạc	3	45	chiều	5	6-10	19/9/2024.	14/11/2024.	Phòng đàn	N-H-TD	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
146	K14.GDMN. VLVH	47	Triết học Mác-Lênin	3	45	chiều	4	7-10	18/9/2024.	04/12/2024.	B4.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
147	K14.GDMN. VLVH	47	Giáo dục thể chất 1	2	30	Sáng	4	1-4	18/9/2024.	06/11/2024.	B4.3	N-H-TD	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
148	K14.GDMN. VLVH	47	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	2	1-5	16/9/2024.	11/11/2024.	B4.3	NN	Vũ Thị Điệp Lan	
149	K14.GDMN. VLVH	47	Tin học đại cương	2	30	Sáng	5	2-5	19/9/2024.	07/11/2024.	B4.3	CNTT	Vũ Thị Thương Huyền	
150	K14.GDMN. VLVH	47	Tâm lý học đại cương	2	30	chiều	6	1-4	20/9/2024.	08/11/2024.	B4.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
151	K14.GDMN. VLVH	47	Âm nhạc	3	45	chiều	3	6-10	17/9/2024.	12/11/2024.	Phòng đàn	N-H-TD	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
152	K14.GDTC	27 5 13 22	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	2	6-10	16.9.2024	11.11.2024	A1	CT-TL-GDH	TS. Luyện Thị Minh Thu	Ghép K14.GDTC.VLVH; K14HTGDNKT; K14.GDCT

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
153	K14.GDTC	27 5 13	Tiếng Anh 1	3	45	Chiều Sáng	5 4	6-9 1-5	19.9.2024 18.9.2024	14.11.2024 02.10.2024	1.2	NN	Phạm Thị Hiền	Ghép K14.GDCT; K14.GDTC.VLVH K14.HTGDNKT
154	K14.GDTC	27 5 26 13	Tâm lý học	2	30	Chiều	3	6-10	12.11.2024	17.12.2025	1.2	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	Ghép K14.GDCT; K14.GDTC.VLVH; K14.SPTIN; K14.HTGDNKT
155	K14.GDTC	27 5	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1	4	60	S	7	1-4	16/9/2024	01/11/2025	NĐN	N-H-TD	Phạm Thành Đông	Ghép K14.GDTC.VLVH
156	K14.HTGDNKT	10 22 27 5	Tiếng Anh 1	3	45	Chiều Sáng	5 4	6-9 1-5	19.9.2024 18.9.2024	14.11.2024 02.10.2024	1.2	NN	Phạm Thị Hiền	Ghép K14.GDCT; K14.GDTC; K14.GDTC.VLVH
157	K14.HTGDNKT	10 23	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	4	2-5	6.11.2024	25.12.2024	1.2	CT-TL-GDH	Vũ Thị Hương	Ghép K14.GDCT
158	K14.HTGDNKT	13 31 47	Sinh lý học trẻ em	2	30	Chiều	4	7-10	18.9.2024	6.11.2024	5.4	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Hòa	Ghép K14.SPMN; K14.GDMN.VLVH
159	K14.HTGDNKT	10	Tâm lý học đại cương	2	30	Chiều	2	6-10	18.11.2024	23.12.2024	5.4	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
160	K14.SPANH	45 14	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	5	6-9	19.9.24	5.12.24	5.5	CT-TL-GDH	TS. Luyện Thị Minh Thư	Ghép K14.SPANH.VLVH
161	K14.SPANH	45 14	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	2 5	7-10 7-10	11.11.24 26.12.24	23.12.24 26.12.24	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Hữu Thái	Ghép K14.SPANH.VLVH
162	K14.SPANH	45 14	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	75	Chiều	3	6-10	17.9.24	24.12.24	5.5	NN	Đặng Thu Trang	Ghép K14.SPANH.VLVH
163	K14.SPANH	45 14	Tâm lý học	2	30	Chiều	6	6-10	20.9.24	25.10.24	5.5	CT-TL-GDH	TS. Đồng Thị Yến	Ghép K14.SPANH.VLVH
164	K14.SPANH	45 14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Chiều	4	6-10	20.11.24	25.12.24	5.5	NV&KHXX	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Ghép K14.SPANH.VLVH
165	K14.SPANH	45 14	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Chiều	2	6-10	16.9.24	21.10.24	5.5	NV&KHXX	Tiêu Thị Thu Thủy	Ghép K14.SPANH.VLVH
166	K14.SPANH	45 14	Giáo dục môi trường	2	30	Chiều	4	7-10	18.9.24	6.11.24	5.5	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	Ghép K14.SPANH.VLVH
167	K14.SPĐIA	25 21 2 2	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	3	7-10	17.9.24	03.12.24	2.5	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Ghép K14.SPSU; K14.SPSU.VLVH; K14.SPĐIA.VLVH;
168	K14.SPĐIA	25 21 2 2	Tâm lý học	2	30	Sáng	2	4-5	16.9.24	23.12.24	2.5	CT-TL-GDH	Vũ Thị Thu Trang	Ghép K14.SPLSU; K14.SPSU.VLVH; K14.SPĐIA.VLVH;
169	K14.SPĐIA	25 2	Địa chất học	3	45	Sáng	3	1-4	17.9.24	03.12.24	2.5	NV&KHXX	TS. Đàm Văn Bắc	Ghép K14.SPĐIA.VLVH

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
170	K14.SPĐIA	25 21 2 2	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	4	1-5	30.10.24	25.12.24	2.5	NN	Đặng Thu Trang	Ghép K14.SPLSU; K14.SPSU.VLVH; K14.SPĐIA.VLVH;
171	K14.SPĐIA	25 2	Địa lí tự nhiên đại cương 1	3	45	Sáng	6	1-4	20.9.24	06.12.24	2.5	NV&KHXH	Nguyễn Thị Hải Vân	Ghép K14.SPĐIA.VLVH
172	K14.SPĐIA	25 2	Đại cương lịch sử thế giới và Việt Nam	3	45	Sáng	2	1-3	16.9.24	23.12.24	2.5	NV&KHXH	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Ghép K14.SPĐIA.VLVH
173	K14.SPĐIA	25 21 2 2	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều Chiều	2 4	7-9 7-9	16.9.24 13.11.2024	04.11.24 20.11.2024	NĐN	N-H-TD	Đỗ Quốc Vương	Ghép K14.SPSU; K14.SPSU.VLVH; K14.SPĐIA.VLVH;
174	K14.SPKHTN	29 29	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	3 4	1-3	01.10.2024 01.12.2024	28.12.2024 14.12.2024	4.1	CT-TL-GDH	Hoàng Thị Ngát	Ghép K14.SPTOAN.VLVH
175	K14.SPKHTN	29 29	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	2 6	1-5	01.12.2024 02.12.2024	28.12.2024	4.1	NN	Đặng Thu Trang	Ghép K14.SPTOAN.VLVH
176	K14.SPKHTN	29 29	Tâm lí học	2	30	Sáng	5	1-4	16.9.2024	09.11.2024	4.1	CT-TL-GDH	Lê Thị Minh Anh	Ghép K14.SPTOAN.VLVH
177	K14.SPKHTN	29 29	Tin học đại cương	2	30	Sáng Chiều	3 2	4-5 7-10	16.9.2024 11.11.2024	05.11.2024 23.12.2024	4.1 PM	CNTT	Nguyễn Thị Hòa	Ghép K14.SPTOAN.VLVH
178	K14.SPKHTN	30	Sinh học đại cương	3	45	Sáng	6	1-4	16.9.2024	30.11.2024	4.1	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Hòa	
179	K14.SPKHTN	30	Nhập môn KHTN	2	30	Sáng	4	1-3	16.9.2024	23.11.2024	4.1	Toán&KHTN	Nguyễn Văn Diễn	
180	K14.SPSU	21 2	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	30	Chiều	4	6-10	18.9.24	23.10.24	2.5	NV&KHXH	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Ghép K14.SPSU.VLVH
181	K14.SPTOAN	52	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	3	1-4	16.9.2024	30.11.2024	5.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
182	K14.SPTOAN	52	Giáo dục thể chất 1	1	30	Chiều	4	7-9	16.9.2024	23.11.2024	NĐN	N-H-TD	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
183	K14.SPTOAN	52	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	4	1-4	16.9.2024	30.11.2024	5.3	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
184	K14.SPTOAN	52	Tâm lí học	2	30	Sáng	5	1-5	28.10.2024	14.12.2024	5.3	Toán&KHTN	TS. Đồng Thị Yến	
185	K14.SPTOAN	52	Tin học đại cương	2	30	Sáng Chiều	5 7	1-5 6-10	16.9.2024 01.11.2024	26.10.2024 16.11.2024	PM	CNTT	Nguyễn Thanh Liêm	
186	K14.SPTOAN	52	Tập hợp và logic toán	2	30	Sáng	2	2-3	16.9.2024	28.12.2024	5.3	Toán&KHTN	TS. Phạm Ngọc Hoa	
187	K14.SPTOAN	52	Đại số tuyến tính và	4	60	Sáng	6	1-4	16.9.2024	28.12.2024	5.3	Toán&KHTN	TS. Phạm Ngọc Hoa	
188	K14.SPTOAN	52	Lịch sử Toán học	2	30	Sáng	3 4	1-4	01.12.2024	28.12.2024	5.3	BGH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
189	K14.SPTOAN-VHVL	29 29	Giáo dục thể chất 1	1	30	Chiều	3	7-9	16.9.2024	23.11.2024	NĐN	N-H-TD	Đỗ Quốc Vương	Ghép K14.KHTN
190	K14.SPTOAN-VHVL	29 29	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	2 6	1-5	01.12.2024 02.12.2024	28.12.2024	4.1	NN	Đặng Thu Trang	Ghép K14.KHTN
191	K14.SPTOAN.VLVH	34	Tập hợp và logic toán	2	30	Chiều	6	7-8	16.9.2024	28.12.2024	2.5	Toán&KHTN	TS. Phạm Ngọc Hoa	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
192	K14.SPTOAN.VLVH	34	Đại số tuyến tính và	4	60	Chiều	5	7-10	16.9.2024	28.12.2024	2.5	Toán&KHTN	TS. Phạm Ngọc Hoa	
193	K14.SPTOAN-VHVL	34	Lịch sử Toán học	2	30	Sáng	5	1-4	11.11.2024	28.12.2024	4.1	BGH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
194	K14.SPVAN	48 14	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Chiều	6	6-10	22.11.24	27.12.24	5.3	NV&KHXXH	Tiêu Thị Thu Thủy	Ghép K14.SPVAN.VLVH
195	K14.SPVAN	48 14	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	6	6-10	20.9.24	15.11.24	5.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Ghép K14.SPVAN.VLVH
196	K14.SPVAN	48 14	Nhập môn lí luận văn học	2	30	Chiều	5	6-10	19.9.24	24.10.24	5.3	NV&KHXXH	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ghép K14.SPVAN.VLVH
197	K14.SPVAN	48 14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Chiều	4	6-10	18.9.24	23.10.24	5.3	NV&KHXXH	TS. Phạm Thị Thu Thủy	Ghép K14.SPVAN.VLVH
198	K14.SPVAN	48 14	Văn học dân gian Việt Nam	3	45	Chiều	3	6-10	08.10.24	03.12.24	5.2	NV&KHXXH	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Ghép K14.SPVAN.VLVH
199	K14.SPVAN	48 14	Tiếng Anh 1	3	45	Chiều	2	6-9	16.9.24	23.12.24	5.3	NN	Đỗ Thị Ngọc Tú	Ghép K14.SPVAN.VLVH
200	K14.SPVAN	48 14	Giáo dục thể chất 1	2	30	Sáng	2	1-3	16.9.24	18.11.24	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Hữu Thái	Ghép K14.SPVAN.VLVH
201	K14.SPVAN	48 14	Tâm lí học	2	30	Chiều	4	7-10	06.11.24	25.12.24	5.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	Ghép K14.SPVAN.VLVH
202	K14A.GDTH	44	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Sáng	2	1-2	16/9/2024	23/12/2024	3.3	GDTH	Phạm Thị Mỹ	
203	K14A.GDTH	44	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	2	3-5	16/9/2024	23/12/2024	3.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
204	K14A.GDTH	44	Giáo dục thể chất 1	2	30	Sáng	3	1-4	17/9/2024	05/11/2024	NĐN	N-H-TD	Đỗ Quốc Vương	
205	K14A.GDTH	44	Tâm lí học tiểu học	2	30	Sáng	3	1-5	19/11/2024	24/12/2024	3.3	CT-TL-GDH	TS. Đồng Thị Yến	
206	K14A.GDTH	44	Tiếng Việt thực hành	3	45	Sáng	4	1-4	18/9/2024	04/12/2024	3.3	TH CVA	Nguyễn Thị Hòa	
207	K14A.GDTH	44	Tin học đại cương	2	30	Sáng	5	1-5	19/9/2024	14/11/2024	3.3	CNTT	Đặng Ngọc Anh	
208	K14A.GDTH	44	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	5	1-5	21/11/2024	26/12/2024	3.3	CT-TL-GDH	Vũ Thị Hương	
209	K14A.GDTH	44	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	6	1-4 1-5	20/09/2024 29/11/2024	22/11/2024 29/11/2024	3.3	NN	TS. Vũ Hoài Thu	
210	K14A.NNA	58	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	3	1-4	17.9.24	3.12.24	4.5	CTSV-VL	Đặng Trà My	
211	K14A.NNA	58	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	2	7-9	16.9.24	04.11.24	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Hữu Thái	
212	K14A.NNA	58	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	75	Sáng	4	1-5	18.9.24	25.12.24	4.5	NN	Trần Thị Oanh	
213	K14A.NNA	58	Tâm lí học	3	45	Sáng	5	1-4	19.9.24	5.12.24	4.5	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	
214	K14A.NNA	58	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Sáng	6	1-4	20.9.24	8.11.24	4.5	NV&KHXXH	Nguyễn Thị Thâm	
215	K14A.NNA	58	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Sáng	2	1-5	11.11.24	16.12.24	4.5	NV&KHXXH	Tiêu Thị Thu Thủy	
216	K14A.NNA.VLVH	80	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	4	60	Cả ngày	7	1-8	1.6.24	20.7.24	4.2	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
217	K14A.NNA.VLVH	80	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Chiều	CN	1-5	2.6.24	7.7.24	4.2	NV&KHXXH	Tiêu Thị Thu Thủy	
218	K14A.NNA.VLVH	80	Tiếng Trung 1	2	30	Chiều	CN	1-5	14.7.24	18.8.24	4.2	ĐT-HTQT	Nguyễn Thị Lê	
219	K14A.NNA.VLVH	80	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Sáng	CN	1-5	2.6.24	7.7.24	4.2	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	
220	K14A.NNA.VLVH	80	Tâm lí học	2	30	Sáng	CN	1-5	14.7.24	18.8.24	4.2	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
221	K14A.NNA.VLVH	80	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	4	60	Sáng	7,CN	1 - 5	14.9.24	20.10.24	4.2	NN	Nguyễn Việt Long	
222	K14A.NNA.VLVH	80	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	4	60	Chiều	7	6-10	12.10.24	28.12.24	4.2	NN	Đặng Thu Trang	
223	K14A.NNA.VLVH	80	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Sáng Tối	7 6	1-5 10-13	16.11.24 13.12.24	28.12.24 27.12.24	4.2	NN	Vũ Thị Nhung	
224	K14A.NNA.VLVH	80	Tiếng Trung 2	2	30	Tối	2 4	11-13	9.10.24	18.11.24	4.2	NN	Khương Thị Thủy	
225	K14A.NNA.VLVH	80	Từ vựng Tiếng Anh	3	45	Tối	6 4	10-13	18.10.24 27.11.24	6.12.24 18.12.24	4.2	NN	Bùi Thị Thủy	
226	K14B.GDTH	43	Tin học đại cương	2	30	Chiều	2	6-9	16/9/2024	02/12/2024	3.3	CNTT	Phạm Thị Loan	
227	K14B.GDTH	43	Tâm lý học tiểu học	2	30	Chiều	3	6-9	17/09/2024	05/11/2024	3.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
228	K14B.GDTH	43	Pháp luật đại cương	2	30	Chiều	3 4 4	6-9 6-9 6-10	03/12/2024 11/12/2024 18/12/2024	24/12/2024 11/12/2024 25/12/2024	3.3	CT-TL-GDH	Vũ Thị Hương	
229	K14B.GDTH	43	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng Sáng	4 5	1-4 1-5	09/10/2024 10/10/2024	11/12/2024 10/10/2024	A2 A1	NN	Phạm Thị Hiền	
230	K14B.GDTH	43	Tiếng Việt thực hành	3	45	Chiều	4	7-10	18/9/2024	04/12/2024	3.3	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
231	K14B.GDTH	43	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	5	7-10	19/09/2024	07/11/2024	NĐN	N-H-TD	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
232	K14B.GDTH	43	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Chiều	5	6-10	21/11/2024	26/12/2024	3.3	GDTH	Đào Thị Tuyết Thanh	
233	K14B.GDTH	43	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	6	6-8	20/9/2024	27/12/2024	3.3	CT-TL-GDH	TS. Luyện Thị Minh Thu	
234	K14B.NNA	56 2	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	6	1-4	20.9.24	6.12.24	1.2	CT-TL-GDH	TS. Luyện Thị Minh Thu	Ghép K14.NNA.VLVH
235	K14B.NNA	56 2	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	6	7-10	20.9.24	8.11.24	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Hữu Thái	Ghép K14.NNA.VLVH
236	K14B.NNA	56 2	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	75	Sáng	5	1-5	19.9.24	26.12.24	1.2	NN	Đặng Thu Trang	Ghép K14.NNA.VLVH
237	K14B.NNA	56 2	Tâm lý học	3	45	Sáng	3	1-5	17.9.24	12.11.24	1.2	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	Ghép K14.NNA.VLVH
238	K14B.NNA	56 2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Sáng	3	1-5	19.11.24	24.12.24	1.2	NV&KHXH	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Ghép K14.NNA.VLVH
239	K14B.NNA	56 2	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Sáng	2	1-4	16.9.24	4.11.24	1.2	NV&KHXH	Tiêu Thị Thu Thủy	Ghép K14.NNA.VLVH
240	K14B.NNA.VLVH	42	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	4	60	Tối	2 4	10-13	3.6.24	22.7.24	4.5	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
241	K14B.NNA.VLVH	42	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Tối	3	10-13	4.6.24	23/7/24	4.5	NV&KHXH	Tiêu Thị Thu Thủy	
242	K14B.NNA.VLVH	42	Tiếng Trung 1	2	30	Tối	5	10-13	6.7.24	25.7.24	4.5	ĐT-HTQT	Nguyễn Thị Lê	
243	K14B.NNA.VLVH	42	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Tối	6	10-13	7.6.24	26.7.24	4.5	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	
244	K14B.NNA.VLVH	42	Tâm lý học	2	30	Chiều	CN	1-5	14.7.24	18.8.24	4.5	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
245	K14B.NNA.VLVH	42	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	4	60	Tối	2 4	10-13	29.7.24	16.9.24	4.5	NN	Nguyễn Việt Long	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
246	K14B.NNA.VLVH	42	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	4	60	Sáng Chiều	7	1-3 6-10	26.10.24	14.12.24	4.5	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
247	K14B.NNA.VLVH	42	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Tối	4	10-13	9.10.24	25.12.24	4.5	NN	Trần Thị Oanh	
248	K14B.NNA.VLVH	42	Từ vựng Tiếng Anh	3	45	Tối	2 6	11-13	18.10.24	6.12.24	4.5	NN	Đinh Thị Lê Duyên	
249	K14C.GDTH	44	Tiếng Việt thực hành	3	45	Sáng	2	1-4	16/9/2024	02/12/2024	3.4	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
250	K14C.GDTH	44	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	2	7-10	16/9/2024	04/11/2024	NĐN	N-H-TD	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
251	K14C.GDTH	44	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Sáng	3	1-3	17/9/2024	19/11/2024	3.4	GDTH	Đào Hồng Diệu	
252	K14C.GDTH	44	Tin học đại cương	2	30	Chiều	3	6-10	17/9/2024	12/11/2024	B4.4	CNTT	Lương Thế Dũng	
253	K14C.GDTH	44	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	4	1-5	18/9/2024	13/11/2024	3.4	CT-TL-GDH	Hoàng Thị Ngát	
254	K14C.GDTH	44	Tâm lý học tiểu học	2	30	Sáng	4	1-5	20/11/2024	25/12/2024	3.4	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
255	K14C.GDTH	44	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	5	1-5	19/9/2024	24/10/2024	3.4	TC-TH	Nguyễn Mạnh Tuấn	
256	K14C.GDTH	44	Tiếng Anh 1	3	45	Sáng	6	1-4 1-5	20/09/2024 29/11/2024	22/11/2024 29/11/2024	3.4	NN	Lê Thị Bắc	
257	K14C.NNA.VLVH	52	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	4	60	Tối	2 4	10-13	29.7.24	16.9.24	5.5	NN	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
258	K14C.NNA.VLVH	52	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	Tối	3	10-13	30.7.24	17.9.24	5.5	NV&KHXH	Tiêu Thị Thu Thủy	
259	K14C.NNA.VLVH	52	Tiếng Trung 1	2	30	Tối	5	10-13	1.8.24	19.9.24	5.5	ĐT-HTQT	Nguyễn Thị Lê	
260	K14C.NNA.VLVH	52	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	Tối	6	10-13	2.8.24	20.9.24	5.5	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	
261	K14C.NNA.VLVH	52	Tâm lý học	2	30	Tối	5	10-13	6.7.24	25.7.24	5.5	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
262	K14C.NNA.VLVH	52	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	4	60	Tối	2 4	10-13	19.8.24	7.10.24	5.5	NN	Nguyễn Việt Long	
263	K14C.NNA.VLVH	52	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	4	60	Tối	3 5	10-13	22.10.24 21.11.24	24.12.24	5.5	NN	Phạm Thị Hiền	
264	K14C.NNA.VLVH	52	Ngữ âm tiếng Anh	3	45	Tối	2	10-13	7.10.24	23.12.24	4.5	NN	Trần Thị Oanh	
265	K14C.NNA.VLVH	52	Từ vựng Tiếng Anh	3	45	Tối	4 5	11-13	16.10.24 17.10.24	4.12.24 7.11.24	4.5	NN	Đinh Thị Lê Duyên	
266	K14D.GDTH.VLVH	47	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	2	1-4	16/9/2024	02/12/2024	A3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Lại	
267	K14D.GDTH.VLVH	47	Tâm lý học tiểu học	2	30	Sáng	3	1-5	17/9/2024	22/10/2024	A3	CT-TL-GDH	TS. Đồng Thị Yến	
268	K14D.GDTH.VLVH	47	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	3	1-5	29/10/2024	03/12/2024	A3	TC-TH	Nguyễn Mạnh Tuấn	
269	K14D.GDTH.VLVH	47	Tiếng Việt thực hành	3	45	Sáng	4	1-4	18/9/2024	04/12/2024	A3	GDTH	TS. Dương Thị Bích Hạnh	
270	K14D.GDTH.VLVH	47	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Sáng	5	1-4	19/9/2024	07/11/2024	A3	GDTH	Đào Hồng Diệu	
271	K14D.GDTH.VLVH	47	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	5	6-9	19/9/2024	07/11/2024	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Văn Phan	
272	K14D.GDTH.VLVH	47	Tin học đại cương	2	30	Sáng	6	1-4	20/9/2024	06/12/2024	A3	CNTT	Phạm Thị Thanh	
273	K14E.GDTH.VLVH	46	Tiếng Việt thực hành	3	45	Chiều	2	7-10	16/09/2024	02/12/2024	A3	TH CVA	Nguyễn Thị Hòa	
274	K14E.GDTH.VLVH	46	Giáo dục thể chất 1	2	30	Sáng	3	1-2	17/9/2024	24/12/2024	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Văn Phan	
275	K14E.GDTH.VLVH	46	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Chiều	3	6-10	17/09/2024	22/10/2024	A3	GDTH	Phạm Thị Mỹ	
276	K14E.GDTH.VLVH	46	Tâm lý học tiểu học	2	30	Chiều	3	6-10	29/10/2024	03/12/2024	A3	CT-TL-GDH	Trần Quốc Hưng	
277	K14E.GDTH.VLVH	46	Pháp luật đại cương	2	30	Chiều	4	6-10	18/09/2024	23/10/2024	A3	TC-TH	Nguyễn Mạnh Tuấn	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
278	K14E.GDTH.VLVH	46	Triết học Mác-Lênin	3	45	Chiều	4	6-10	30/10/2024	25/12/2024	A3	CT-TL-GDH	Hoàng Thị Ngát	
279	K14E.GDTH.VLVH	46	Tin học đại cương	2	30	Chiều	5	6-10	19/9/2024	14/11/2024	A3	CNTT	Lê Quang Tinh	
280	K14G.GDTH.VLVH	46	Pháp luật đại cương	2	30	Sáng	3	1-5	17/9/2024	22/10/2024	B4.4	TC-TH	Nguyễn Mạnh Tuấn	
281	K14G.GDTH.VLVH	46	Tin học đại cương	2	30	Sáng	3	1-5	29/10/2024	24/12/2024	B4.4	CNTT	Vũ Thị Thương Huyền Lê Thị Sinh	
282	K14G.GDTH.VLVH	46	Tiếng Việt thực hành	3	45	Sáng	4	1-4	18/9/2024	04/12/2024	B4.4	GDTH	TS. Nguyễn Thị Phụng	
283	K14G.GDTH.VLVH	46	Triết học Mác-Lênin	3	45	Sáng	4 5	1-5 1-4	11/12/2024 '19/9/2024	18/12/2024 '14/11/2024	B4.4	CT-TL-GDH	TS. Luyện Thị Minh Thư	
284	K14G.GDTH.VLVH	46	Tâm lý học tiểu học	2	30	Sáng	5	1-5	21/11/2024	26/12/2024	B4.4	CT-TL-GDH	Vũ Thị Nga	
285	K14G.GDTH.VLVH	46	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	30	Sáng Chiều	6 2	1-5 6-10	06/12/2024 '11/12/2024	27/12/2024 '18/12/2024	B4.4	GDTH	Đào Thị Tuyết Thanh	
286	K14G.GDTH.VLVH	46	Giáo dục thể chất 1	2	30	Chiều	6	6-9	20/9/2024	08/11/2024	NĐN	N-H-TD	Nguyễn Văn Phan	
287	K45A.GDMN	42	Giáo dục hòa nhập	2	30	Sáng	4	2-5	16/10/2024	04/12/2024	4.3	CT-TL-GDH	TS. Đồng Thị Yến	
288	K45A.GDMN	42	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng	5	2-5	15/08/2024	03/10/2024	4.3	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
289	K45A.GDMN	42	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng	3	2-5	13/08/2024	08/10/2024	4.3	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
290	K45A.GDMN	42	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng	4	2-5	14/08/2024	02/10/2024	4.3	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
291	K45A.GDMN	42	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	45	Sáng	5	2-5	10/10/2024	19/12/2024	4.3	GDMN	TS. Phạm Thị Oanh	
292	K45A.GDMN	42	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non	3	45	Sáng	2	2-5	12/08/2024	04/11/2024	4.3	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
293	K45A.GDMN	42	Quan sát, đánh giá trong giáo dục Mầm non	2	30	Sáng	6	2-5	16/08/2024	04/10/2024	4.3	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
294	K45B.GDMN	35	Giáo dục hòa nhập	2	30	Chiều	7,CN	6-9	23/11/2024	15/12/2024	4.1	CT-TL-GDH	TS. Đồng Thị Yến	
295	K45B.GDMN	35	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	17/08/2024	08/09/2024	4.1	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
296	K45B.GDMN	35	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	14/09/2024	06/10/2024	4.1	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
297	K45B.GDMN	35	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng Chiều Sáng	T2 7,CN	2-5 6-9 2-5	23/9/2024 12/10/2024	07/10/2024 13/10/2004	TH,NT	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
298	K45B.GDMN	35	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	45	Sáng	7,CN	2-5	17/08/2024	22/09/2024	4.1	GDMN	TS. Phạm Thị Oanh	
299	K45B.GDMN	35	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non	3	45	Sáng	7,CN	2-5	26/10/2024	01/12/2024	4.1	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
300	K45B.GDMN	35	Quan sát, đánh giá trong giáo dục Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	26/10/2024	17/11/2024	4.1	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
301	K46A.GDMN	32	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	Chiều	2	6-8	16/09/2024	23/12/2024	4.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Lài	
302	K46A.GDMN	32	Công nghệ TT và ứng dụng CNTT	2	30	Chiều	5	6-10	19/09/2024	24/10/2024	4.3	TT TH-NN	Nguyễn Xuân Hùng	
303	K46A.GDMN	32	Tiếng Việt thực hành	2	30	Chiều	4	7-9	18/09/2024	20/11/2024	4.3	NV&KHXX	TS. Nguyễn Đức Toàn	
304	K46A.GDMN	32	Múa và dân dựng	3	30	Chiều	3	7-10	17/09/2024	05/11/2024	4.3	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
305	K46A.GDMN	32	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	30	Chiều	3	7-10	12/11/2024	24/12/2024	4.3	Toán&KHTN	TS. Phạm Thị Hòa	
306	K46A.GDMN	32	Giáo dục hòa nhập	2	30	Chiều	6	7-10	20/09/2024	14/11/2024	4.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	
307	K46A.GDMN	32	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	30	Sáng Chiều	4	2-5 7-10	27/11/2024	18/12/2024	Trường MN	GDMN	TS. Vũ Yến Nhi	
308	K46B.GDMN	46	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	Chiều	7,CN	6-9	21/09/2024	13/10/2024	4.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Lài	
309	K46B.GDMN	46	Công nghệ TT và ứng dụng CNTT	2	30	Chiều	7,CN	2-5	19/10/2024	09/11/2024	4.3	TT TH-NN	Nguyễn Xuân Hùng	
310	K46B.GDMN	46	Tiếng Việt thực hành	2	30	Sáng	7,CN	2-5	16/11/2024	08/12/2024	4.3	NV&KHXX	Phùng Thị Luyệt	
311	K46B.GDMN	46	Múa và dân dựng	2	30	Chiều	7,CN	6-9	10/11/2024	07/12/2024	4.3	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
312	K46B.GDMN	46	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng	7,CN	1-4	21/09/2024	27/10/2024	4.3	GDMN	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	
313	K46B.GDMN	46	Giáo dục hòa nhập	2	30	Sáng	7,CN	6-9	02/11/2024	24/11/2024	4.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Bắc	
314	K46B.GDMN	46	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	30	Sáng	7,CN	2-5	30/11/2024	22/12/2024	4.3	GDMN	TS. Vũ Yến Nhi	
315	K46C.GDMN	61	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	2	30	Chiều	6	6-9	18/10/2024	06/12/2024	4.4	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
316	K46C.GDMN	61	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	45	Sáng	7,CN	2-5	19/10/2024	24/11/2024	4.4	GDMN	TS. Phạm Thị Oanh	
317	K46C.GDMN	61	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non	3	45	Chiều	4	6-10	02/10/2024	27/11/2024	4.4	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
318	K46C.GDMN	61	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	2	30	Sáng	6	2-5	18/10/2024	06/12/2024	4.4	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
319	K46C.GDMN	61	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	23/11/2024	15/12/2024	4.4	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
320	K46C.GDMN	61	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	2	30	Sáng	7,CN	2-5	30/11/2024	22/12/2024	4.4	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	
321	K46C.GDMN	61	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm	2	30	Chiều	7,CN	6-9	21/09/2024	13/10/2024	4.4	GDMN	Dương Thị Yến	
322	K46C.GDMN	61	Quan sát, đánh giá trong giáo dục Mầm non	2	30	Sáng	7,CN	2-5	21/09/2024	13/10/2024	4.4	GDMN	Nghiêm Thị Thùy Dương	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
323	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	24 (TC: 21 VB2: 3)	Những NLCB của CNMLN 1	1	15	Sáng	5	2-5	22/08/2024	12/09/2024	GĐ1	TT LKĐT,BD	Trần Thị Tuyền	
324	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	25 (TC:21 VB2: 4)	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác Lênin2	1	15	Sáng	5	2-5	19/09/2024	10/10/2024	GĐ1	TT LKĐT,BD	Trần Thị Tuyền	
325	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	31 (TC:22 VB2: 7)	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	1	15	Chiều	5	6-9	22/08/2024	12/09/2024	GĐ1	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
326	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	24 (TC:21 VB2: 3)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	15	Sáng	6	2-5	18/10/2024	01/11/2024	GĐ1	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
327	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	59	Tâm lý học đại cương	1	15			2-5	07/11/2024	28/11/2024.	GĐ1	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
328	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	59	Giáo dục học đại cương	1	15	Chiều	5	6-9	07/11/2024	28/11/2024	GĐ1	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
329	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	32 (TC:23 VB2: 9)	Tiếng Anh 2	2	30	Chiều	5,6	6-9	12/05/2024	27/12/2024	GĐ1	NN	TS. Vũ Hoài Thu	
330	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	23	Nghề giáo viên Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	19/10/2024	10/11/2024	GĐ1	GDMN	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	
331	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	23	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	3	45	Sáng Chiều	4	2-5 6-9	02/10/2024	06/11/2024	GĐ1	GDMN	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	
332	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	20	Giáo dục thể chất 2	2	30	Sáng	6	6-9	23/08/2024	11/10/2024	GĐ1	N-H-TD	Trần Doãn Khoa	
333	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	55 (TC:24 VB2: 31)	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT	1	15	Sáng	5	2-5	05/12/2024	26/12/2024	GĐ1	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
334	K46C.GDMN (Nhóm Liên thông từ TCMN)	59	Tiếng việt thực hành	2	30	Chiều	6	6-9	23/08/2024	11/10/2024	GĐ1	NV&KHXH	TS. Nguyễn Đức Toàn	
335	K47A.GDMN	55	Những NLCB của CNMLN 1	2	30	Chiều	6	6-10	20/09/2024	25/10/2024	5.4	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Lại	
336	K47A.GDMN	55	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	Chiều	5	6-9	31/10/2024	19/12/2024	5.4	GDMN	TS. Vũ Yến Nhi	
337	K47A.GDMN	55	GDTC1	2	30	Chiều	4	7-10	18/09/2024	06/11/2024	NĐN	N-H-TD	Trần Doãn Khoa	
338	K47A.GDMN	55	Tâm lý học đại cương	2	30	Chiều	6	7-10	01/11/2024	21/12/2024	5.4	CT-TL-GDH	Vũ Thị Thu Trang	
339	K47A.GDMN	55	Giáo dục học đại cương	2	30	Chiều	5	6-10	19/09/2024	24/10/2024	5.4	CT-TL-GDH	Trần Quốc Hưng	
340	K47A.GDMN	55	Âm nhạc	2	30	sáng	3	1-5	17/10/2024	22/10/2024	Phòng đàn	GDMN	Trương Hồng Diệp	
341	K47A.GDMN	55	Mỹ thuật	3	45	Chiều	3	6-10	17/09/2024	12/11/2024	5.4, THT	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
342	K47A.GDMN	55	Giáo dục môi trường	2	30	Chiều	7	6-10	21/09/2024	09/11/2024	5.4	CN&KT	TS. Vũ Văn Cát	
343	K47B.GDMN	51	Những NLCB của CNMLN 1	2	30	Sáng	2	1-5	16/09/2024	21/10/2024	4.4	CT-TL-GDH	Trần Thị Tuyền	
344	K47B.GDMN	51	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	Sáng	2	1-5	28/10/2024	02/12/2024	4.4	GDMN	Dương Thị Yến	
345	K47B.GDMN	51	GDTC1	2	30	Sáng	4	1-5	13/11/2024	18/12/2024	4.4, NĐN	N-H-TD	Phạm Văn Đồ	
346	K47B.GDMN	51	Tâm lý học đại cương	2	30	Sáng	3	1-5	17/09/2024	22/10/2024	4.4	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
347	K47B.GDMN	51	Giáo dục học đại cương	2	30	Sáng	5	1-5	19/09/2024	24/10/2024	4.4	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
348	K47B.GDMN	51	Âm nhạc	2	30	Sáng	4	1-5.	18/9/2024	23/10/2024	Phòng đàn	GDMN	Trương Hồng Diệp	
349	K47B.GDMN	51	Mỹ thuật	3	45	Sáng	5	1-5	31/10/2024	26/12/2024	4.4, THT	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
350	K47B.GDMN	51	Giáo dục môi trường	2	30	Sáng	3	1-3	29/10/2024	24/12/2024	4.4	Toán&KHTN	Nguyễn Văn Diễn	
351	K47C.GDMN.VLVH	44	Giáo dục học đại cương	2	30	Sáng	7,CN	2-5	16/11/2024	08/12/2024	B4.3	CT-TL-GDH	Cao Thị Thu Hằng	
352	K47C.GDMN.VLVH	44	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	Sáng	7,CN	2-5	14/12/2024	05/01/2025	B4.3	GDMN	Dương Thị Yến	
353	K47C.GDMN.VLVH	44	GDTC1	2	30	Sáng	7,CN	2-5	19/10/2024	10/11/2024	NĐN	N-H-TD	Lê Bách Ngọc	
354	K47C.GDMN.VLVH	44	Tâm lý học đại cương	2	30	chiều	7,CN	6-9	19/10/2024	10/11/2024	B4.3	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Minh Hải	
355	K47C.GDMN.VLVH	44	Những NLCB của CNMLN 1	2	30	chiều	7,CN	6-9	16/11/2024	08/12/2024	B4.3	CT-TL-GDH	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	
356	K47C.GDMN.VLVH	44	Âm nhạc	2	30	Sáng	T4	6-9	02/10/2024	20/11/2024	Phòng đàn	GDMN	Trương Hồng Diệp	
357	K47C.GDMN.VLVH	44	Mỹ thuật	3	45	chiều	T5	6-10	31/10/2024	26/12/2024	B4.3	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
358	K47C.GDMN.VLVH	44	Giáo dục môi trường	2	30	Sáng	7,CN	2-5	21/09/2024	13/10/2024	B4.3	ĐT-HTQT	TS. Đàm Văn Bắc	

TT	Lớp	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú
359	K47D.GDMN.VLVH	70	Tâm lý học Trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	30	Chiều	2	6-9	07/10/2024	25/11/2024	4.1	CT-TL-GDH	Vũ Thị Nga	
360	K47D.GDMN.VLVH	70	Giáo dục học Mầm non	2	30	Chiều	7,CN	6-9	02/11/2024	24/11/2024	4.1	CT-TL-GDH	Lê Thị Minh Anh	
361	K47D.GDMN.VLVH	70	Âm nhạc	2	30	Sáng	CN	2-5	05/5/2024 22/9/2024	26/5/2024 5/10/2024	4.1	N-H-TD	Đào Tiên Trí	
362	K47D.GDMN.VLVH	70	Nhạc cụ	2	30	Chiều Sáng	7,CN	6-9 2-5	21/9/2024 02/06/2024	29/9/2024 23/6/2024	4.1	N-H-TD	Đào Tiên Trí	
363	K47D.GDMN.VLVH	70	Múa và PP dạy múa cho trẻ MN	2	30	Sáng	7,CN	2-5 6-9	21/9/2024 12/5/2024.	12/10/2024 23/06/2024	4.1	GDMN	Nguyễn Thu Loan	
364	K47D.GDMN.VLVH	70	Mỹ thuật	3	45	Sáng Chiều	CN 5	6-9 6-10	05/5/2024 01/8/2024	01/6/2024 26/9/2025	4.1	GDMN	Nguyễn Phương Bình	
365	K47D.GDMN.VLVH	70	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	Sáng Chiều	6	1-4 6-9	07/06/24	28/06/24	4.1	GDMN	TS. Vũ Yến Nhi	
366	K47E.GDMN.VLVH	76	Những NLCB của CNMLN 1	2	30	Sáng	7,CN	6-9.	19/10/2024	10/11/2024	4.4	CT-TL-GDH	Trần Thị Tuyền	
367	K47E.GDMN.VLVH	76	Tiếng Anh 1	3	45	Chiều	7,CN	6-9	21/09/2024	27/10/2024	4.4	NN	Nguyễn Thị Huệ Dung	
368	K47E.GDMN.VLVH	76	GDTC1	2	30	Chiều	7,CN	7-10	02/11/2024	24/11/2024	NĐN	N-H-TD	Phạm Thành Đông	
369	K47E.GDMN.VLVH	76	Tâm lý học đại cương	2	30	Chiều	7,CN	6-10	30/11/2024	21/12/2024	4.4	CT-TL-GDH	Nguyễn Thị Minh Hải	
370	K47E.GDMN.VLVH	76	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	30	Sáng	7,CN	2-5	21/09/2024	13/10/2024	4.4	GDMN	Dương Thị Yến	
371	K47E.GDMN.VLVH	76	Âm nhạc	2	30	Sáng Chiều	6	2-5 6-9	4.10.2024	25.10.2024	Phòng đàn	N-H-TD	Đào Tiên Trí	
372	K47E.GDMN.VLVH	76	Mỹ thuật	3	45	Sáng	7,CN	2-5	16/11/2024	22/12/2024	4.4, THTT	GDMN	Nguyễn Phương Bình	

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Phòng: ĐT-HTQT; TC-TH; CTSV-VL; BDCL-TT (để phối hợp);
- Các đơn vị có GV dạy (để phối hợp);
- GV giảng dạy (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT-HTQT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO - HTQT



TS. Đàm Văn Bắc